

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2018/TLST – KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ: 198 T, phường L, quận H, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc H** – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP N chi nhánh H (Đ/c: Đường H, phường B, thành phố H, Quảng Ninh)

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T** (sinh năm 1966) và chị **Nguyễn Thị H** (sinh năm 1971)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu 2, phường B, thành phố H, Quảng Ninh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H đã vay Ngân hàng TMCP N số tiền 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 33/16/BL/HPT ngày 26/11/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thoả thuận, vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số: 33/16/BL/HPT ngày 26/11/2016. Số tiền anh T, chị H còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 04/6/2018 là: 1.849.021.889 đồng (Một

tỷ, tám trăm bốn chín triệu, không trăm hai một nghìn, tám trăm tám chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.575.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 272.974.028 đồng;

+ Lãi phạt: 1.047.861 đồng.

2.2. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2018 anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 04/6/2018 là 1.849.021.889 đồng (Một tỷ, tám trăm bốn chín triệu, không trăm hai một nghìn, tám trăm tám chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.575.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 272.974.028 đồng;

+ Lãi phạt: 1.047.861 đồng.

Và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 05/6/2018 được tính trên cơ sở hợp đồng tín dụng số 33/16/BL/HPT ngày 26/11/2016 và Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Nếu anh T, chị H vi phạm việc trả nợ thì tại thời điểm vi phạm Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện các biện pháp thi hành án, phát mại tài sản để thu hồi toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán bao gồm nợ gốc, lãi, lãi phạt được tính trên cơ sở hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 33/16/HDTG/HPT ngày 24/11/2016 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì anh T, chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2.3 Về án phí:

Ngân hàng Ngân hàng TMCP N phải nộp 16.868.000 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm sáu tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002558 ngày 17/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, Quảng Ninh. Trả lại Ngân hàng TMCP N số tiền 16.349.000 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm bốn chín nghìn đồng).

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới nộp 16.868.000 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm sáu tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H.
- TAND tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Quang Độ